

Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Cả 3 khối lớp
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>I. ĐIỀU KIỆN DỰ THI: Học sinh được tham gia dự thi khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương hoặc tốt nghiệp THCS tại Hải Dương. - Tuổi của học sinh dự tuyển: thực hiện theo quy định hiện hành của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường THPT có nhiều cấp học. - Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các lớp cấp THCS đạt từ khá trở lên. - Xếp loại tốt nghiệp THCS từ khá trở lên. <p>II. MÔN THI: Môn thi: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh và môn chuyên; trong đó Toán, Văn, Tiếng Anh chung đề với đề thi vào THPT công lập toàn tỉnh.</p> <p>III. THỜI GIAN LÀM BÀI:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các bài thi môn không chuyên: Môn Toán và môn Ngữ văn là 120 phút; môn Tiếng Anh là 45 phút; + Các bài thi môn chuyên: Môn Hóa học và môn Tiếng Anh là 120 phút, các môn khác là 150 phút. <p>IV. ĐIỂM XÉT TUYỂN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm xét tuyển vào lớp chuyên: Là tổng số điểm bài thi Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (tất cả hệ số 1) và điểm bài thi môn chuyên (hệ số 3) + điểm khuyến khích (nếu có); - Điểm xét tuyển vào lớp không chuyên của trường THPT chuyên Nguyễn Trãi (Lớp A1): Là tổng số điểm bài thi Toán và Ngữ văn (hệ số 2) và điểm bài thi môn Tiếng Anh (hệ số 1) + điểm ưu tiên (nếu có); bài thi môn chuyên đạt điểm sàn theo quy định của Sở GD&ĐT; - Nguyên tắc xét tuyển: Chỉ xét tuyển đối với thí sinh đã tham gia thi tuyển, thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và các bài thi đều đạt điểm lớn hơn 1.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo chương trình giáo dục theo qui định của Bộ GD&ĐT đối với các trường THPT. • Đảm bảo chương trình dạy chuyên đối với các lớp chuyên, các tiết tự chọn theo quy định của Bộ được ưu tiên cho các môn chuyên và các môn thi tốt nghiệp THPT, môn Ngoại ngữ. • Đảm bảo giáo dục toàn diện cho học sinh
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> • Phối hợp giữa nhà trường và gia đình: Thường xuyên kết hợp giữa nhà trường và gia đình để thống nhất việc giáo dục học sinh. Ban hành Nội qui học sinh gồm 7 điều: <p>Điều 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi học đúng giờ, nghỉ học phải viết giấy xin phép. - Có đủ sách vở, đồ dùng học tập, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp. - Chuyên cần, tích cực, trung thực trong học tập và kiểm tra. <p>Điều 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kính trọng, lễ phép với thầy cô giáo, nhân viên nhà trường, cha



mẹ và người lớn tuổi.

- Thân mật, hoà nhã, biết quan tâm giúp đỡ người khác.

Điều 3.

- Tích cực tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, nhân cách để trở thành con người có ích cho xã hội.

- Hành vi, ngôn ngữ ứng xử có văn hoá; trang phục sạch sẽ gọn gàng, đeo phù hiệu theo đúng qui định của nhà trường.

- Nghiêm cấm hút thuốc lá, uống rượu bia, ăn quà vặt trong giờ học, giờ truy bài, mua đồ ăn qua hàng rào nhà trường.

- Nghiêm cấm, sử dụng điện thoại trong các giờ học khi chưa được sự cho phép của giáo viên.

Điều 4.

- Tích cực rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân.

- Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các buổi lao động, sinh hoạt tập thể của trường, của lớp; các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, các cuộc thi, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, ...

- Nghiêm cấm việc lạm dụng mạng xã hội để làm ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của cá nhân mình và những người khác.

Điều 5.

- Có ý thức bảo vệ tài sản, không vẽ bằn lên tường, lên bàn ghế, giữ gìn các bồn hoa cây cảnh, giữ gìn vệ sinh trường lớp sạch đẹp và bảo vệ môi trường.

- Tiết kiệm trong sử dụng điện, nước.

Điều 6.

- Thực hiện nghiêm túc các qui định của pháp luật, giữ gìn trật tự an ninh trong trường và ngoài xã hội; không gây gỗ đánh nhau, không sử dụng tàng trữ lưu hành văn hoá phẩm độc hại; không mang theo vũ khí chất gây nổ đến trường. Tích cực tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội.

- Thực hiện tốt Luật an toàn giao thông, đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy và xe đạp điện, không đi xe dàn hàng ngang, phóng nhanh, vượt ẩu trên đường.

- Xe đạp, xe đạp điện, xe máy phải gửi vào trong trường đúng nơi qui định theo hướng dẫn của bảo vệ.

Điều 7.

- Tất cả học sinh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nội qui này, những học sinh thực hiện tốt sẽ được tuyên dương khen thưởng, ai vi phạm tuỳ theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật.

Yêu cầu học sinh thực hiện Quy tắc ứng xử:

Thực hiện: 5 “XIN”; 5 “LUÔN”; 5 “NHỚ”; 5 “KHÔNG”; 4 “ĐỪNG QUÊN”

I. Áp dụng 5 “XIN” trong giao tiếp

1. *Xin chào.*
2. *Xin phép.*
3. *Xin góp ý.*
4. *Xin lỗi.*
5. *Xin cảm ơn.*

II. Thực hiện 5 “LUÔN” trong học tập và rèn luyện

1. *Luôn kính trọng thầy cô, nhiệt tình chia sẻ, giúp đỡ bạn bè.*
2. *Luôn hoàn thành bài tập đầy đủ trước khi đến lớp, chủ động, sáng tạo trong xây dựng bài học.*
3. *Luôn tích cực tham gia các hoạt động của lớp, của trường.*
4. *Luôn thực hiện đúng Quy chế kiểm tra, thi cử.*

		<p>5. Luôn thực hiện luật “An toàn giao thông đường bộ”, giữ xe và để xe trong trường đúng nơi quy định.</p> <p>III. Thực hiện 5 “NHỚ” khi ở trường</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhớ mặc trang phục gọn gàng, đúng quy định, đeo thẻ học sinh khi tới trường. 2. Nhớ vệ sinh lớp học sạch sẽ. 3. Nhớ lau sạch bảng sau mỗi tiết học. 4. Nhớ gom rác thải để đúng nơi quy định. 5. Nhớ sử dụng mạng xã hội một cách văn minh. <p>IV. Thực hiện 5 “KHÔNG” khi ở trường</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không mang vũ khí, chất gây nổ đến trường. 2. Không ăn, uống trong giờ học và giờ truy bài, không mua đồ ăn qua hàng rào, cổng trường. 3. Không mang thiết bị, dụng cụ của lớp ra ngoài trường. 4. Không sử dụng điện thoại di động (trừ trường hợp được giáo viên cho phép theo yêu cầu của bộ môn). 5. Không nô đùa, hò hét, chơi các trò chơi làm ảnh hưởng đến an ninh trường học. <p>V. Thực hiện 4 “ĐỪNG QUÊN” trước khi ra về</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đừng quên kê lại bàn ghế, đồ dùng của lớp trước khi ra về. 2. Đừng quên tắt các thiết bị điện trong phòng học khi không sử dụng. 3. Đừng quên tưới nước cho cây trong trường định kỳ. 4. Đừng quên tổng vệ sinh lớp học 2 tuần/lần và giặt rèm cửa trong phòng học 6 tháng/lần.
IV	<p>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Quan tâm đều khắp tới tất cả học sinh, tạo mọi điều kiện tốt nhất có thể để giúp học sinh học tập tốt, rèn luyện tốt. • 100% học sinh chuyên được cấp sinh hoạt phí. • Cấp học bổng cho 30% học sinh chuyên có thành tích học tập cao. • Huy động các quỹ học bổng khác để trợ cấp cho các học sinh nghèo, vượt khó học giỏi. • Miễn thu các khoản đóng góp cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. • Có kí túc xá và bếp ăn tập thể cho học sinh ở nội trú, bán trú. • Được quan tâm giáo dục về kiến thức xã hội, các em được thầy cô truyền đạt những kiến thức để sống, để làm người, để tự phục vụ mình và phục vụ xã hội, định hướng nghề nghiệp trong tương lai.
V	<p>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</p>	<p>* Kết quả giáo dục:</p> <p>- Làm tốt công tác bồi dưỡng và tập huấn các đội tuyển thi học sinh giỏi các cấp. Duy trì và giữ vững thành tích học sinh giỏi Quốc gia, đứng trong TOP đầu toàn quốc, có học sinh đạt giải Nhất Quốc gia, có học sinh dự thi vòng 2 chọn đội tuyển dự thi Olympic Quốc tế. Nâng cao chất lượng kì thi tốt nghiệp THPT năm học 2022-2023; Đảm bảo 100% học sinh khối 12 đỗ Tốt nghiệp THPT và đỗ Đại học. Phần đầu có ít nhất 2% số học sinh toàn trường (chú trọng là học sinh khối 12) được đi du học bằng các nguồn học bổng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% đạt hạnh kiểm Tốt, Khá. - Đảm bảo giáo dục toàn diện cho học sinh. - Đảm bảo 95% số học sinh toàn trường đạt danh hiệu học sinh giỏi,



		10% đạt danh hiệu học sinh Tiên tiến. * Sức khoẻ của học sinh dự kiến đạt được: 100% học sinh đều có sức khoẻ tốt.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đảm bảo tất cả học sinh tốt nghiệp THPT đều có thể tiếp tục học tiếp ở bậc Đại học và cao hơn (đặc biệt là các lớp kỹ sư Chất lượng cao và cử nhân tài năng).

Hải Dương, ngày 25 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Ngọc Tùng

Biểu mẫu 10

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI
Năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1139	379	369	391
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1139 100%	379 100%	369 100%	391 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1139	379	369	391
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1135 99.64%	377 99.47%	368 99.73%	390 99.74%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.36%	2 0.53%	1 0.27%	1 0.26%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1139	379	369	391
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1139 100%	379 100%	369 100%	391 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1135 99.64%	377 99.47%	368 99.73%	390 99.74%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.36%	2 0.53%	1 0.27%	1 0.26%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
4	Chuyển trường đi/đến (tỷ lệ so với tổng số)	8/3	1/1	3/2	4/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi				

	học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	346 (4 KHKT)	125	31 (2 KHKT)	190 (2 KHKT)
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	82		19	63
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	391			391
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	391			391
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp loại bằng THPT			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng theo mức trên sàn và đi du học (tỷ lệ so với tổng số)	391/391 100%	0	0	391/391 100%
VIII	Số học sinh nữ/tổng số học sinh	676/1139	222/379	217/369	237/391
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	1	2

Hải Dương, ngày 30 tháng 09 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Ngọc Tùng

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI
Năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	36	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	36	1.5
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	10	2.0
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	2.7
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	35/1	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	31.955	25
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5.487	4.3
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	36	1944
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	10	768
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	6	144
3	Diện tích thư viện (m ²)	3	374.4
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1	1280
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	38	1050.6

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Tổng số	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	65	
1.2	Khối lớp 11	74	
1.3	Khối lớp 12	68	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	20	
2.2	Khối lớp 11	12	
2.3	Khối lớp 12	13	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ	150	Số học sinh/bộ

	học tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	
2	Cát xét	14	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	44	
5	Thiết bị khác...		
6		

X	Nhà bếp	Có
XI	Nhà ăn	Có

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú	44 (40 m ² /phòng)	352	5m ² /chỗ

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hải Dương, ngày 25 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Ngọc Tùng

Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI**

Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp 2021-2022					
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	118	2	62	48	1		5	98	7	1	106				
I	Giáo viên															
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	102	1	59	42				96	6		102				
1	Toán	11		7	4				11	0		11				
2	Lý	9		4	5				9			9				
3	Hóa	8		6	2				8	0		8				
4	Sinh + Công nghệ (10)	7		5	2				7			7				
5	KTCN (K11+12)	3		2	1				3			3				
6	Tin học	7		7					6	1		7				
7	Văn	13		10	3				9	4		13				
8	Lịch sử	7	1	5	1				7			7				
9	GDCD	3		1	2				3			3				
10	Địa lý	8		4	4				8			8				
11	TD-GDQP	7		2	5				7			7				
12	Tiếng Anh	13		5	8				13			13				
13	Tiếng Nga	3		1	2				3			3				
14	Tiếng Pháp	3			3				2	1		3				
II	Cán bộ quản lý	4	1	3					2	1	1	4				
1	Hiệu trưởng	1	1								1	1				
2	Phó hiệu trưởng	3		3					2	1		3				
III	Nhân viên	12			6	1		5								
1	Nhân viên văn thư	1			1											
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ + Thiết bị	1			1											
4	Nhân viên y tế	1				1										
5	Nhân viên thư viện	2			2											
6	Bảo vệ	4						4								
7	Lái xe	1						1								
8	Giáo vụ	1			1											

Hải Dương, ngày 25 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG
TRỊNH NGỌC TÙNG

